

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P8	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
2		P6+TD1	7:25	19+3	0+0		16+6	0+0	chuyen 1 P6-td1
3		CNV+AMD+TGTH4	7:25	2+14+6	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
4		RP3+VSP01+PPD	9:25	2+20+0	0+0+0		0+16+4	0+0+0	
5		P10+P6	9:25	5+15	0+0		1+21	0+0	
6		AMD+TD5+VSP01	9:25	9+0+12	0+0+0		0+8+12	0+0+0	
7		AMD+CLO+CI1	11:25	17+4+0	0+0+0		10+4+5	0+0+0	
8		P9+PVD2+P8	11:25	12+7+2	0+0+0		0+1+9	0+0+0	chuyen 1 PVD2-P8
9		T.JUNG	11:25	16	0		14	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUỐC BẢO	TTC2				25	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TA MẠNH HÙNG	TTC2	34	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG	TTC2	35	1	6		76	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC ANH	TTC2				24	81	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VĂN HUYNH	TTC2	33	1	5		74	PSV	Vietnamese
6	LAZAREV A V	P8	59	1	5		85	KH-THAC	Russian
7	TRẦN ANH TRI	P8	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN NHÂN	P8	54	1	5	38	72	YTE	Vietnamese
9	HUYNH CHANH PHAT	P8	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	P8	61	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HIEN	P8	65	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TRUNG	P8	57	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HOÀNG	P8	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HOA	P8	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH VINH	P8	63	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LỢI	P8	52-53	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG TIEN	P8	51	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	3	14	360	49	4		
2	P8	14	15	82	980	38	18		
TOTAL		19	18	96	1.340	87	22		
WEIGHT KG				96	1.340	87			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

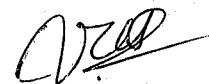
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6 - TD1	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGO HOAN	P6	05	1	4	25	65	YTE	Vietnamese
2	PHAM VAN DOA	P6	31	1	5	20	55	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH HOAI NAM	P6	40-41	2	20		90	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TUAN	P6	28	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI M. KHANH CUONG	P6	34	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VAN TIEN	P6	26	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG XUAN THAI	P6	38-39	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHU	P6	17	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HUNG	P6	27	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN CU	P6					59	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM VAN KHUONG	P6	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VAN SANG	P6	29	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC AN	P6	23	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUC DUNG	P6	18-19	2	11		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG BACH	P6	30	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO MINH HOANG	P6	06	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUY THONG	P6	32-33	2	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN DOAN	P6	21	1	11	15	75	XAYLAP	Vietnamese
19	VU TUAN ANH	P6	24-25	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
20	LE TUAN ANH	TD1	78	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG PHAT	TD1	79	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
22	LE TRUNG TIEN	TD1	77	1	5		77	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	19	23	171	1.361	60	164		CHUYEN 1 PAX TU P6 SANG TD1
2	TD1	3	3	26	226	0	6		
TOTAL		22	26	197	1.587	60	22		
WEIGHT KG				197	1.587	60			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	TO: CNV - AMD - TGTH4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - VLinH - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TUNG	CNV	01	1	10	20	81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN AN	AMD	801	1	7	30	62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	07	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH HAI	AMD	01	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	03-04	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN PHA	AMD	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	13-14	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	15-16	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	11	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRẦN LIÊM	AMD	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	12	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	18-19	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	06	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	08-10	3	18		73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KHANH ANH DUY	TGTH4	95-96	2	20	30	100	HLJOC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH4	94	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHẮC TOÀN	TGTH4	97-98	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VINH QUANG	TGTH4	92-93	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG LONG	TGTH4	90-91	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

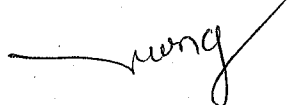
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	2	15	146	20	0	1	
2	AMD	14	20	125	987	30	0	15	
3	TGTH4	6	10	66	472	30	0	6	
TOTAL		22	32	206	1.605	80	0	22	
WEIGHT KG				206	1.605	80			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: RP3 - VSP01 - PPD	CREW: QViệt - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG HOAN	RP3	21	1	15		80	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP3	22	1	14		60	DVL	Vietnamese
3	CHERNISHEV V.A.	VSP01	77	1	7		110	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	VSP01	82-83	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	71	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	84	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	76	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	74	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
11	GURIN V.V.	VSP01	70	1	5		100	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG THANH	VSP01	66,68	2	9		68	YTE	Vietnamese
14	PHAN DUY BÌNH	VSP01	73	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	72	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	78	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	81	1	20		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	79	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	75	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HỮU HA	VSP01	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	80	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

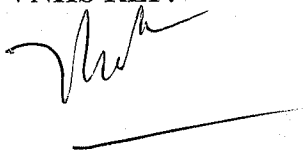
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	29	140	0	0		
2	VSP01	20	18	127	1.534	0	16		
3	PPD	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	20	156	1.674	0	20		
WEIGHT KG				156	1.674	0			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

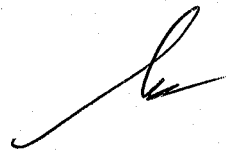
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	TO: P10 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DOAN ĐỨC	P10	34	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG CUÔNG	P10	40	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HOA	P10	36	1	10		83	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	P10	35	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH HIỂN	P10	37-38	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
6	LƯƠNG MINH KIẾN	P6	56	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DỰ	P6	48-49	2	11		58	XAYLAP	Vietnamese
8	HA MẠNH CUÔNG	P6	45-46	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ SƠN	P6	53-54	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
10	VÌ THAI	P6	44	1	19		60	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯƠNG MINH HIỆP	P6	50-51	2	8		80	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CÔNG THƯỜNG	P6	55	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MINH TÚ	P6	52	1	18		63	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HẠO	P6	47	1	6		78	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH TIẾN DŨNG	P6	57-58	2	20		78	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC MINH	P6	60	1	10		72	GETRACO	Vietnamese
17	LÊ NGỌC NHẬT	P6	63	1	6		70	GETRACO	Vietnamese
18	VŨ VĂN TUẤN	P6	61-62	2	19		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	6	60	370	0	1		
2	P6	13	19	171	903	10	21		
TOTAL		18	25	231	1.273	0	22		
WEIGHT KG				231	1.273	10			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: AMD - TD5 - VSP01	CREW: Nam - Dương - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC THƯ	AMD	80	1	8	90	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	79	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI NGUYỄN HAI VI	AMD	75	1	12		92	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THẾ KHAI	AMD	74	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NAM TRUNG	AMD	76-77	2	10		75	HLJOC	Vietnamese
6	HY TAC SANG	AMD	83-84	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	82	1	7		61	TLJOC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ PHONG	AMD	81	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	78	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	10	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	12	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BÀ NGỌC	VSP01	13	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	07-08	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01	11	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ HÙNG HAI	VSP01	03	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHAN	VSP01	02	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	VŨ VĂN ĐIẾP	VSP01	04	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	05	1	2		67	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	06	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	78	642	90	0		
2	TD5	0	0	0	0	20	8		
3	VSP01	11	12	62	746	0	12		
TOTAL		20	23	140	1.388	110	20		
WEIGHT KG				140	1.388	110			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: AMD - CLO - CLI	CREW: QViệt - ĐNam - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUYNH CUÔNG	AMD	42	1	10	16	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LÊM	AMD	37	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
3	HÀ QUANG HUY	AMD	92	1	10	50	70	CODIEN	Vietnamese
4	NÔNG MINH HAI	AMD	38	1	13		75	CODIEN	Vietnamese
5	LE NGOC ANH	AMD	39-40	2	14		75	CODIEN	Vietnamese
6	PHI DUY HOAN	AMD	91	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRI PHUỐC	AMD	45	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	44	1	6		58	PSV	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	41	1	6		65	PSV	Vietnamese
10	NGHIÊM XUÂN THĂNG	AMD	95-96	2	8	40	70	HAVIET	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÍNH	AMD	34	1	10		55	HAVIET	Vietnamese
12	HỒ ĐÌNH THÔNG	AMD	93-94	2	15		61	HAVIET	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUONG	AMD	46	1	10		88	HAVIET	Vietnamese
14	BUI SY VU	AMD	36	1	12		62	HAVIET	Vietnamese
15	LE VAN QUAN	AMD	35	1	10		60	HAVIET	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HUNG	AMD	47-48	2	10		52	HAVIET	Vietnamese
17	TRẦN PHƯƠNG THIÊN	AMD	49,90	2	12		74	HAVIET	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ ANH	CLO	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG THUY	CLO	44	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG LONG HAI	CLO	45-46	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỒNG VĂN CUÔNG	CLO	43	1	13		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

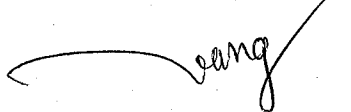
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	22	174	1.149	106	10		
2	CLO	4	5	35	287	0	4		
3	CLI	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	27	209	1.436	106	19		
WEIGHT KG				209	1.436	106			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2022	TO: P9 - PVD2 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC TIEN	P9	50	1	8		75	DVL	Vietnamese
2	TRAN DAI HUNG	P9	49	1	16		73	DVL	Vietnamese
3	MAI HUY TU	P9	40	1	6		61	DVL	Vietnamese
4	DO VAN HOANG	P9	51-53	3	10		62	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG BA THANG	P9	71	1	17		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN DUC	P9	73-74	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN XUAN TRUONG	P9	47-48	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
8	DO TIEN MANH	P9	72,2000	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	P9				22	79	XAYLAP	Vietnamese
10	LE DUC VIET	P9				24	71	XAYLAP	Vietnamese
11	VO HOANG TIEN	P9	70	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	P9	42	1	19		94	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN DANG HUAN	PVD2	42-43	2	21		78	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN TRUONG	PVD2	38-39	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	DINH VAN THIEN	PVD2	44-45	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
16	LE NGOC CUONG	PVD2	40-41	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VAN DUONG	PVD2	08	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN CONG DANH	PVD2	36-37	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DAU	PVD2	35	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
20	DAO NGUYEN HUNG	P8	68	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	15	148	897	46	0		CHUYEN 1 PAX PVD2 SANG P8
2	PVD2	7	12	119	484	0	1	71	
3	P8	1	1	6	67	0	8		
TOTAL		20	28	273	1.448	46	9		
WEIGHT KG				273	1.448	46			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2022	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HHải - LTuấn	ETA: 15:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG					63	KH-THAC	Vietnamese
2	HO DINH HUY	T.UNG	73	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN SON	T.UNG	91-92	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NAM TRUNG	T.UNG	77	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
5	DO THANH TUNG	T.UNG	66	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUANG QUY	T.UNG	85	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH QUOC BAO	T.UNG	62	1	4	85	53	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HONG SON	T.UNG	54,61	2	8	22	79	KH-THAC	Vietnamese
9	HO VAN TINH	T.UNG	74	1	3		59	PSV	Vietnamese
10	LE DAC NHA	T.UNG	82	1	5	8	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	10	11	62	630	115	13		
	TOTAL	10	11	62	630	115	13		
	WEIGHT KG			62	630	115			

GRAND TOAL: 807 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

